

Số: 131/CV-HHQTĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

V/v: Một số điểm về chính sách thuế liên quan đến hệ thống QTDND.

Kính gửi: Quỹ tín dụng nhân dân hội viên

Liên quan đến vấn đề thực hiện chính sách thuế, gần đây một số Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) do hiểu chưa đúng các quy định về nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT) và xuất hóa đơn đối với các khoản doanh thu của quỹ dẫn đến bị cục thuế địa phương phạt hành chính. Để các QTDND hội viên hiểu rõ hơn về chính sách thuế liên quan đến các vấn đề trên, Hiệp hội xin làm rõ và trích dẫn một số quy định tại các văn bản pháp luật điều chỉnh các hoạt động này như sau:

1. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thông tư số 20/2018/TT-BTC hướng dẫn về chế độ tài chính đối với Quỹ tín dụng nhân dân. Khoản 1 điều 8 quy định “Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn”, theo đó việc xác định chi phí tính thuế và nộp thuế TNDN của QTDND thực hiện theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Tại Thông tư 78/2014/TT-BTC quy định:

“Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí, Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật khác dưới các hình thức: Công ty cổ phần; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty hợp danh; Doanh nghiệp tư nhân; Văn phòng Luật sư, Văn phòng công chứng tư; Các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh; Các bên trong hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí, Xi nghiệp liên doanh dầu khí, Công ty điều hành chung.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế trong tất cả các lĩnh vực.

c) Tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

d) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú tại Việt Nam.”

Như vậy, theo quy định nêu trên, QTDND là đối tượng áp dụng và thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Việc xác định các khoản chi phí được trừ và không được trừ để tính thuế TNDN thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính. Điều này quy định Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Như vậy, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại quy định trên thì tất cả các khoản chi được phép (bao gồm cả các khoản chi mua quà cho, biếu, tặng) của QTDND sẽ được trừ khi tính thuế TNDN. Trường hợp quà tặng nhân viên: Ngoài các điều kiện nêu trên, tổng số chi quà tặng nhân viên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế trong năm tính thuế của QTDND. Đối với Khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC, các QTDND cần đọc kỹ để xác định đầy đủ chi phí tính thuế tránh kê khai thiếu dẫn đến vi phạm và bị phạt.

2. Đối với việc nộp thuế giá trị gia tăng

2.1. Xác định đối tượng chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT

Theo quy định hiện hành¹, các QTDND lưu ý chỉ **không nộp thuế GTGT** theo quy định tại Mục 3, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Theo đó một số các khoản thu từ các hoạt động **không phải chịu thuế giá trị gia tăng**, cụ thể là các hoạt động:

- Cho vay;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác (nếu có);
- Bảo lãnh ngân hàng (nếu có);
- Cho thuê tài chính (nếu có);
- Phát hành thẻ tín dụng (nếu có).

Trường hợp QTDND thu các loại phí liên quan đến phát hành thẻ tín dụng (nếu có) thì các khoản phí thu từ khách hàng thuộc quy trình dịch vụ cấp tín dụng (phí phát hành thẻ) theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng như phí trả nợ trước hạn, phạt chậm trả nợ, cơ cấu lại nợ, quản lý khoản vay và các khoản phí khác thuộc quy trình cấp tín dụng thuộc đối tượng **không chịu thuế giá trị gia tăng** (GTGT).

Các khoản phí giao dịch thẻ thông thường không thuộc quy trình cấp tín dụng như phí cấp lại mã pin cho thẻ tín dụng, phí cung cấp bản sao hoá đơn giao dịch, phí đòi bồi hoàn khi sử dụng thẻ, phí thông báo mất cắp, thất lạc thẻ tín dụng, phí huỷ thẻ tín dụng, phí chuyển đổi loại thẻ **tín dụng và các khoản phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT**.

- Bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm, cụ thể:

¹ Việc nộp thuế GTGT sẽ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính); Thông tư số 26/2015/TT-BTC, ngày 27/2/2015 Hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều về Luật Thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

+ Tài sản bảo đảm tiền vay được bán là tài sản thuộc giao dịch bảo đảm đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

+ Việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Trường hợp hết thời gian trả nợ, người có tài sản bảo đảm không có khả năng trả nợ và phải bàn giao tài sản cho tổ chức tín dụng để tổ chức tín dụng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, các bên thực hiện thủ tục bàn giao tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật thì không phải xuất hóa đơn GTGT.

Trường hợp tổ chức tín dụng nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tổ chức tín dụng thực hiện hạch toán tăng giá trị tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh theo quy định. Khi tổ chức tín dụng bán tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh ***nếu tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì tổ chức tín dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.***

.....

Như vậy, đối với các khoản doanh thu phát sinh ngoài các hoạt động liên quan đến quy trình cấp tín dụng đều thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, QTDND phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định, chẳng hạn như doanh thu từ dịch vụ chuyển tiền có thu phí, các dịch vụ khác được quy định đối với đối tượng chịu thuế GTGT của Quý sẽ phải chịu thuế GTGT.

2.2. Cách thức kê khai thuế GTGT và mức thuế GTGT

Căn cứ Luật thuế GTGT năm 2008 và Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng, Tổ chức tín dụng nói chung và QTDND nói riêng được phân vào ngành kinh doanh dịch vụ. QTDND phải xác định được loại hình dịch vụ tại đơn vị mình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT để lựa chọn phương pháp tính thuế phù hợp nhất.

Có 2 phương pháp tính thuế hiện đang được áp dụng:

- + Phương pháp khấu trừ
- + Phương pháp trực tiếp

Hiện nay, một số QTDND tự nguyện lựa chọn kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp để tránh phải kê khai chi phí đầu vào, đầu ra. Tuy nhiên, hầu hết QTDND sẽ lựa chọn kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Tiêu chí	Phương pháp khấu trừ	Phương pháp trực tiếp
Đối tượng áp dụng	Phương pháp khấu trừ áp dụng với cơ sở kinh doanh (gồm: Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh khác) thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, cụ thể: - Cơ sở kinh doanh đang hoạt động được áp dụng phương pháp khấu trừ thuế khi đáp ứng đủ 02 điều kiện sau: 1 - Có doanh thu hàng năm từ 01 tỷ đồng trở lên từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. 2 - Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật	Phương pháp trực tiếp trên doanh thu được áp dụng với các đối tượng sau: - Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ. - Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện theo phương pháp khấu trừ.

	<p>về kế toán, hóa đơn, chứng từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp. - Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ, cá nhân kinh doanh. - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. - Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
Số thuế phải nộp	$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Số thuế GTGT đầu ra}}{\text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}}$	$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Doanh thu} \times \text{Tỷ lệ \%}$
Thuế suất - tỷ lệ % tính thuế	<p>Thuế suất:</p> <p>Có 04 loại thuế suất áp dụng với từng nhóm hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế; - Thuế suất 0% ; - Thuế suất 5%; - Thuế suất 10% (áp dụng đối với tất cả hàng hóa, dịch vụ, trừ hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT, chịu thuế suất 0%, thuế suất 5%). 	<p>Tỷ lệ % để tính thuế GTGT:</p> <p>Tính theo từng hoạt động cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế; + Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%; + Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%; + Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%; + Hoạt động kinh doanh khác: 2%.
Mẫu tờ khai	Mẫu: 01/GTGT	Mẫu: 04/GTGT

Kết luận: Đối với QTDND lựa chọn phương pháp khấu trừ thuế GTGT thì:

***TH1:** Nếu QTDND chỉ có dịch vụ cho vay thì mức thuế GTGT được áp dụng: không chịu thuế GTGT.

***TH2:** Nếu QTDND bao gồm đồng thời có dịch vụ cho vay, thu phí chuyển tiền và các dịch vụ khác phải chịu thuế GTGT (ngoài quy định đối với các dịch vụ được áp dụng thuế suất 0%, 5%) thì mức thuế GTGT áp dụng cho dịch vụ cho vay: không chịu thuế; mức thuế áp dụng cho thu phí chuyển tiền và các dịch vụ khác phải chịu thuế GTGT (ngoài quy định đối với các dịch vụ được áp dụng thuế suất 0%, 5%) phải áp dụng: 10%.

3. Về xuất hóa đơn đối với doanh thu của QTDND

3.1. Xuất hóa đơn đối với dịch vụ cho vay, thu phí chuyển tiền

Hiện nay nhiều QTDND đã áp dụng việc xuất hóa đơn cho việc thu lãi tiền vay, thu phí từ các hoạt động tín dụng, dịch vụ chuyển tiền và thực hiện việc kê khai thuế GTGT. Nhưng vẫn còn nhiều QTDND chưa thực hiện việc xuất hóa đơn cho các khoản doanh thu tại Quỹ nên chưa thực hiện kê khai thuế GTGT là chưa phù hợp với quy định về thuế và cung ứng hóa đơn bán hàng.

Việc áp dụng hóa đơn đối với các khoản doanh thu phát sinh trong hoạt động kinh doanh của QTDND được quy định tại Điều 5 - Chương II của Thông tư số 20/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 12/02/2018.

*** Cách thức viết hóa đơn:**

- QTDND có thể lựa chọn hóa đơn bán hàng (áp dụng đối với QTDND chỉ có dịch vụ cho vay) hoặc hóa đơn GTGT (áp dụng đối với QTDND chỉ có dịch vụ cho vay hoặc bao gồm dịch vụ cho vay, thu phí chuyên tiền).

- Đối với loại hóa đơn GTGT, khi QTDND xuất hóa đơn cho dịch vụ thu lãi tiền vay không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì chỉ viết số tiền lãi vay. Phần thuế suất và tiền thuế không ghi và gạch bỏ.

3.2. Lập hóa đơn đối với quà tặng, khuyến mãi cho khách hàng, người lao động

- Hiện nay một số QTDND khi mua quà tặng, quà biếu cho thành viên của quỹ có giá trị từ 200.000/người trở xuống chỉ thực hiện bảng kê mà không xuất hóa đơn là không đúng với quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC, người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng... (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

Đồng thời, tại Điều 18 - Thông tư 39/2014/TT-BTC đã quy định:

“Điều 18. Bán hàng hóa, dịch vụ không bắt buộc phải lập hóa đơn

1. Bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu lập và giao hóa đơn.

2. Khi bán hàng hóa, dịch vụ không phải lập hóa đơn hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, người bán phải lập Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê bán lẻ phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày (mẫu số 5.6 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Cuối mỗi ngày, cơ sở kinh doanh lập một hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng ghi số tiền bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong ngày thể hiện trên dòng tổng cộng của bảng kê, ký tên và giữ liên giao cho người mua, các liên khác luân chuyển theo quy định. Tiêu thức “Tên, địa chỉ người mua” trên hóa đơn này ghi là “bán lẻ không giao hóa đơn”.

Như vậy, khi xuất hàng để biếu, tặng (khách hàng, người lao động...) đều phải xuất hóa đơn như bán hàng bình thường cả khi mua tặng luân hoặc nhập về kho rồi biếu, tặng.

*** Cách viết hóa đơn đối với hàng hóa biếu, tặng**

- Giá trị quà tặng trên 200.000 đồng: Doanh nghiệp thực hiện lập hóa đơn riêng cho từng khách hàng được biếu, tặng.

- Giá trị quà tặng dưới 200.000 đồng hoặc người nhận không có nhu cầu lấy hóa đơn (không phân biệt giá trị quà tặng): Cuối mỗi ngày, doanh nghiệp lập chung 01 hóa đơn GTGT ghi số tiền thể hiện trên dòng tổng cộng của bảng kê, ký tên và giữ liên giao cho người mua, các liên khác luân chuyển theo quy định.

Khi đó, giá tính thuế GTGT đối với hàng biếu, tặng là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (Khoản 3 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC).

*** Cách hạch toán chi phí quà tặng, biếu cho khách hàng, người lao động**

Chi phí quà tặng, biếu cho khách hàng, người lao động được xem là chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN, tính thuế GTGT nếu thỏa mãn cả 3 điều kiện sau đây (áp dụng theo Điều 4 - Thông tư 96/2015/TT-BTC):

“Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Khoản chi thực tế phát sinh, liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ toán không dùng tiền mặt.”

Kết luận: đối với chi phí quà tặng, biếu khách hàng, người lao động thì QTDND phải:

- Xuất hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn GTGT đối với chi phí quà tặng, biếu cho khách hàng hoặc người lao động kèm theo phải có bảng kê chi tiết người nhận.
- Được hạch toán vào chi phí (tùy theo nội dung quà tặng, biếu dùng cho hội nghị khách hàng, hội thảo... để hạch toán chi phí hợp lý) và được trừ khi tính thuế TNDN, tính thuế GTGT (đối với QTDND thuộc đối tượng chịu thuế GTGT).
- Cuối Quý, kê khai tình hình sử dụng hóa đơn đối với hóa đơn sử dụng dùng để xuất giá trị quà tặng, biếu cho khách hàng, người lao động cùng với số lượng hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ.

Trên đây là những trích dẫn của một số quy định tại các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách thuế áp dụng đối với QTDND. Trong quá trình hoạt động nếu có bất cứ vướng mắc gì về cơ chế chính sách, Hiệp hội rất mong các QTDND hội viên gửi về Văn phòng Hiệp hội để Hiệp hội kịp thời giải đáp và hỗ trợ hội viên hiểu rõ và thực hiện đúng các văn bản chính sách của cơ quan quản lý ban hành nhằm hạn chế những vi phạm trong hoạt động của hệ thống và đưa hệ thống QTDND phát triển an toàn và bền vững.

Trong thời gian tới, sau khi dịch bệnh được đẩy lùi, Hiệp hội sẽ mở các khóa đào tạo, tập huấn về chính sách thuế với sự tham gia giảng dạy của các giảng viên đến từ Vụ Chính sách Thuế và Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính. Rất mong các Quý hội viên đăng ký nhu cầu về Hiệp hội để Hiệp hội lên kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo mang tính sát thực và phục vụ hiệu quả nhất cho hoạt động của hệ thống QTDND.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCH-BKT HH;
- VPĐD HH;
- Lưu VP.

**KT. TỔNG THƯ KÝ
PHÓ TỔNG THƯ KÝ**



The stamp is circular with the text "HỘI QUỖ THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM" around the perimeter. In the center, it says "BAN CHẤP HÀNH". A handwritten signature is written over the stamp.

Nguyễn Thị Kim Thanh